TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2019
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Quân;

Ông Bùi Duy Hải.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-5-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12-6-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Minh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-4-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh T và bà Trần Thị T tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng thì ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông T và bà T đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện (nay thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01/2013 vào ngày 26-8-2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc khoảng hai năm thì bà T bỏ nhà đi không rõ tin tức. Ngày 07-9-2018, ông T nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên yêu cầu tuyên bố bà Trần Thị T mất tích. Ngày 05-3-2019, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên đã quyết định tuyên bố bà Trần Thị T mất tích. Trong quá trình sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng bà T đã bỏ nhà đi từ năm 2015 cho đến nay nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, ông T yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên Phan Tấn T sinh ngày 13-7-2013 và hiện đang sống chung với ông T. Do đó, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Phan Minh T;

- Bản sao giấy khai sinh của con tên Phan Tấn T;

- Bản chính giấy chứng nhận kết hôn.

- Bản chính Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2019/QĐST-DS ngày 05-3-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích.

Bị đơn bà Trần Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 17-4-2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xác nhận: Ủy ban xã V không nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp về hôn nhân và con chung giữa ông T và bà T; ông T và bà T cũng không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải khi có mâu thuẫn xảy ra vì vậy không xác định được các ông bà có mâu thuẫn như thế nào trong đời sống hôn nhân.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Ông Phan Minh T và bà Trần Thị T tự nguyện kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ông T yêu cầu ly hôn vì bà T đã bỏ nhà đi từ 2015 đến nay không có tin tức nên vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung. Vợ chồng có một người con chung đang sống chung với ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, yêu cầu ly hôn và tranh chấp về con chung của ông T là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[1] Ông Phan Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Trần Thị T nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà Trần Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ bà Trần Thị T tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 12-6-2019 nhưng bà T vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập bà T tham gia phiên tòa vào ngày 28-6-2019 nhưng bà T vắng mặt không có lý do là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Ông Phan Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông T và bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh T và bà Trần Thị T là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện (nay thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01/2013 vào ngày 26-8-2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc khoảng 02 năm thì bà T bỏ nhà đi không rõ tin tức và Tòa án tuyên bố bà Trần Thị T mất tích (Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2019/QĐST-DS ngày 05-3-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích). Do bà T mất tích nên vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung cùng nhau xây dựng gia đình. Xét, mâu thuẫn giữa ông T và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Phan Minh T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự *"Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình"* và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[4] Về con chung: Ông bà có 01 (Một) con chung tên Phan Tấn T sinh ngày 13-7-2013 và hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Yêu cầu của ông T không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*" nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 68 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh T về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với bà Trần Thị T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh T được ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Tấn T sinh ngày 13-7-2013 cho ông Phan Minh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Minh T và bà Trần Thị T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014945, ngày 12-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Minh T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- UBND xã V, thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm